

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 26&27/9/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Giáp Thị Ánh	05/06/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
2	CNTT02	Lương Thị Bắc	16/09/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
3	CNTT03	Tạ Thị Châm	24/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
4	CNTT04	Nguyễn Thị Chắt	13/08/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
5	CNTT05	Vô Thị Chinh	27/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt	
6	CNTT06	Ngô Mạnh Cường	28/11/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	9,0	7,0	Đạt	
7	CNTT07	Vì Thị Duyên	05/01/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
8	CNTT08	Thân Thị Giang	05/12/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
9	CNTT09	Nguyễn Thị Thu Hà	18/08/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
10	CNTT10	Trần Thị Hà	20/09/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
11	CNTT11	Lê Thị Hạnh	02/05/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
12	CNTT12	Dương Thị Hiền	08/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	Đạt	
13	CNTT13	Giáp Thị Hiền	20/11/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
14	CNTT14	Lương Thị Bích Hiền	07/07/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
15	CNTT15	Trần Thị Hoài	06/03/1987	Hà Nội	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
16	CNTT16	Dương Thị Huệ	27/09/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
17	CNTT17	Nguyễn Thị Huệ	21/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
18	CNTT18	Nguyễn Thị Huệ	21/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
19	CNTT19	Nguyễn Thị Huyền	02/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
20	CNTT20	Nguyễn Thị Hương	24/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
21	CNTT21	Nguyễn Thị Hương	07/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	
22	CNTT22	Nguyễn Thị Hường	18/02/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
23	CNTT23	Nguyễn Thị Thu Hường	15/09/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
24	CNTT24	Nguyễn Thị	Hường	04/11/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
25	CNTT25	Nguyễn Thị	Lành	23/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
26	CNTT26	Nguyễn Thị	Luyến	17/08/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
27	CNTT27	Trương Thị	Thanh	11/08/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
28	CNTT28	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	20/11/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
29	CNTT29	Nguyễn Thị	Tho	17/08/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
30	CNTT30	Thăng Thị	Thủy	04/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
31	CNTT31	Vũ Thị Mai	Thương	15/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
32	CNTT32	Thân Văn	Tú	23/09/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
33	CNTT33	Đỗ Anh	Tuấn	05/12/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
34	CNTT34	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	31/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
35	CNTT35	Đỗ Thị	Vân	26/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
36	CNTT36	Hứa Ngọc	Ánh	02/12/1974	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	7,0	Đạt	
37	CNTT37	Nguyễn Thị Ngọc	Ân	05/10/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
38	CNTT38	Hoàng Thị	Ban	29/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt	
39	CNTT39	Nguyễn Thị	Chinh	28/12/1977	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	Đạt	
40	CNTT40	Hoàng Văn	Chính	29/03/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	
41	CNTT41	Hoàng Thị	Dung	01/07/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
42	CNTT42	Nông Ngọc	Dũng	21/03/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt	
43	CNTT43	Hà Thị	Đàm	29/06/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
44	CNTT44	Triệu Quang	Đình	08/04/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
45	CNTT45	Mỗ Văn	Định	25/09/1976	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt	
46	CNTT46	Hoàng Thành	Đông	18/01/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt	
47	CNTT47	Ma Văn	Đức	30/04/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	7,0	Đạt	
48	CNTT48	Đinh Thị	Giáng	24/04/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	
49	CNTT49	Trần Thị	Hà	07/06/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
50	CNTT50	Trương Thị	Hạnh	12/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	Đạt	
51	CNTT51	Hoàng Kim	Hiền	23/10/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
52	CNTT52	Dương Ngọc	Hiền	01/09/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
53	CNTT53	Nông Thị	Hoa	21/09/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt	
54	CNTT54	Lương Thị	Hoài	07/09/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
55	CNTT55	Mông Quốc	Hoàn	12/09/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	7,5	Đạt	
56	CNTT56	Hoàng Văn	Hội	02/06/1970	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt	
57	CNTT57	Nông Thị	Hồng	12/10/1968	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
58	CNTT58	Hoàng Kim	Huệ	16/01/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt	
59	CNTT59	Nguyễn Văn	Huy	13/11/1978	Ninh Bình	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
60	CNTT60	Hoàng Văn	Huỳnh	05/12/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt	
61	CNTT61	Vi Văn	Khoa	23/12/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	Đạt	
62	CNTT62	Lê Thị	Lan	27/11/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
63	CNTT63	Mỗ Thùy	Liên	19/10/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt	
64	CNTT64	Triệu Văn	Liên	20/08/1993	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	7,0	Đạt	
65	CNTT65	Đặng Tăng	Lộc	23/06/1995	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	6,0	Đạt	
66	CNTT66	Lý Thị	Lượng	21/03/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
67	CNTT67	Nguyễn Thị	Lưu	14/04/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	
68	CNTT68	Hoàng Thị	Mai	21/10/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt	
69	CNTT69	Nông Thị	Mai	28/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	
70	CNTT70	Lô Thị	Mấn	08/09/1987	Bắc Kạn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
71	CNTT71	Bàn Phương	Minh	27/11/1979	Lạng Sơn	Nam	Dao	-	-	-	Bỏ thi
72	CNTT72	Đồng Thị	Nhàn	10/06/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	-	-	-	Bỏ thi
73	CNTT73	Hoàng Văn	Nhâm	01/02/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt	
74	CNTT74	Hà Thị Ly	Nô	03/06/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	Đạt	
75	CNTT75	Nông Quý	Phong	01/02/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	
76	CNTT76	Vũ Thế	Phương	27/10/1976	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
77	CNTT77	Hoàng Văn	Quyên	03/10/1978	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	Đạt	
78	CNTT78	Hoàng Thị	Sen	12/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt	
79	CNTT79	Hoàng Thị	Sự	25/05/1969	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	Đạt	
80	CNTT80	Nguyễn Văn	Tăng	11/09/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	
81	CNTT81	Trần Bích	Thiêm	03/04/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
82	CNTT82	Lý Thị	Thiệp	18/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
83	CNTT83	Lăng Văn	Thiệu	30/07/1991	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
84	CNTT84	Hoàng Thị	Thơi	29/01/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt	
85	CNTT85	Đặng Tăng	Thu	19/11/1988	Lạng Sơn	Nam	Dao	-	-	-	Bỏ thi
86	CNTT86	Đỗ Huyền	Thương	17/12/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
87	CNTT87	Bàn Văn	Tiên	16/04/1985	Lạng Sơn	Nam	Dao	-	-	-	Bỏ thi
88	CNTT88	Hoàng Thị	Trang	01/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt	
89	CNTT89	Lý Văn	Trọng	06/04/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	-	-	-	Bỏ thi
90	CNTT90	Lý Văn	Trường	13/12/1984	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
91	CNTT91	Tô Văn	Tuấn	11/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
92	CNTT92	Hoàng Thị	Tuyệt	29/07/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
93	CNTT93	Vi Thị	Tuyệt	17/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	
94	CNTT94	Nguyễn Tuấn	Uy	21/07/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt	
95	CNTT95	Hoàng Thị	Vanh	02/07/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	Đạt	
96	CNTT96	Hoàng Thị	Xiêm	04/07/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 96
Số thí sinh bỏ thi: 22
Số thí sinh dự thi: 74
Số thí sinh đạt yêu cầu: 74
Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2020

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

ThS. Nguyễn Ngọc Quang